

BÁO CÁO THỰC TẬP Ở KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KON TUM



Địa chỉ : 224 BÀ TRIỆU - Thị xã Kon Tum- KON TUM

Giới thiệu bệnh viện

Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông đã nói :

“ Đạo làm thuốc là một nhân thuật chuyên bảo vệ sinh mạng con người. Phải lo cái lo của người, vui cái vui của người, Chỉ lấy việc cứu sống mạng người làm nhiệm vụ của mình, không nên cầu lợi kể công ”

Và Bác Hồ kính yêu đã tặng năm chữ vàng cho cán bộ nhân viên ngành Y - Dược

“ Lương Y như từ mẫu ”

Đây là lời dạy, lời nhắc nhở về lương tâm của người thầy thuốc, là một trong hai nghề luôn được nhân dân coi trọng và được tôn làm thầy.

Kết hợp giữa việc học và hành, giữa lý thuyết và thực tiễn, thực tập tốt nghiệp là một phần quan trọng không thể thiếu trong quá trình học tập để trở thành một dược sỹ trong tương lai.

Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Kon Tum là một đơn vị có nhiệm vụ then chốt chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ,đây là một vị trí thuận lợi về giao thông góp phần không nhỏ độ đến chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

Cùng với đội ngũ cán bộ , công nhân viên giàu kinh nghiệm ,giàu nhiệt huyết , vừa hồng vừa chuyên về hệ thống khoa , phòng ,cơ sở vật chất kiên cố khang trang .Hàng năm bệnh viện đã khám và chữa bệnh cho hàng nghìn lượt bệnh nhân ,đáp ứng được phần lớn nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân

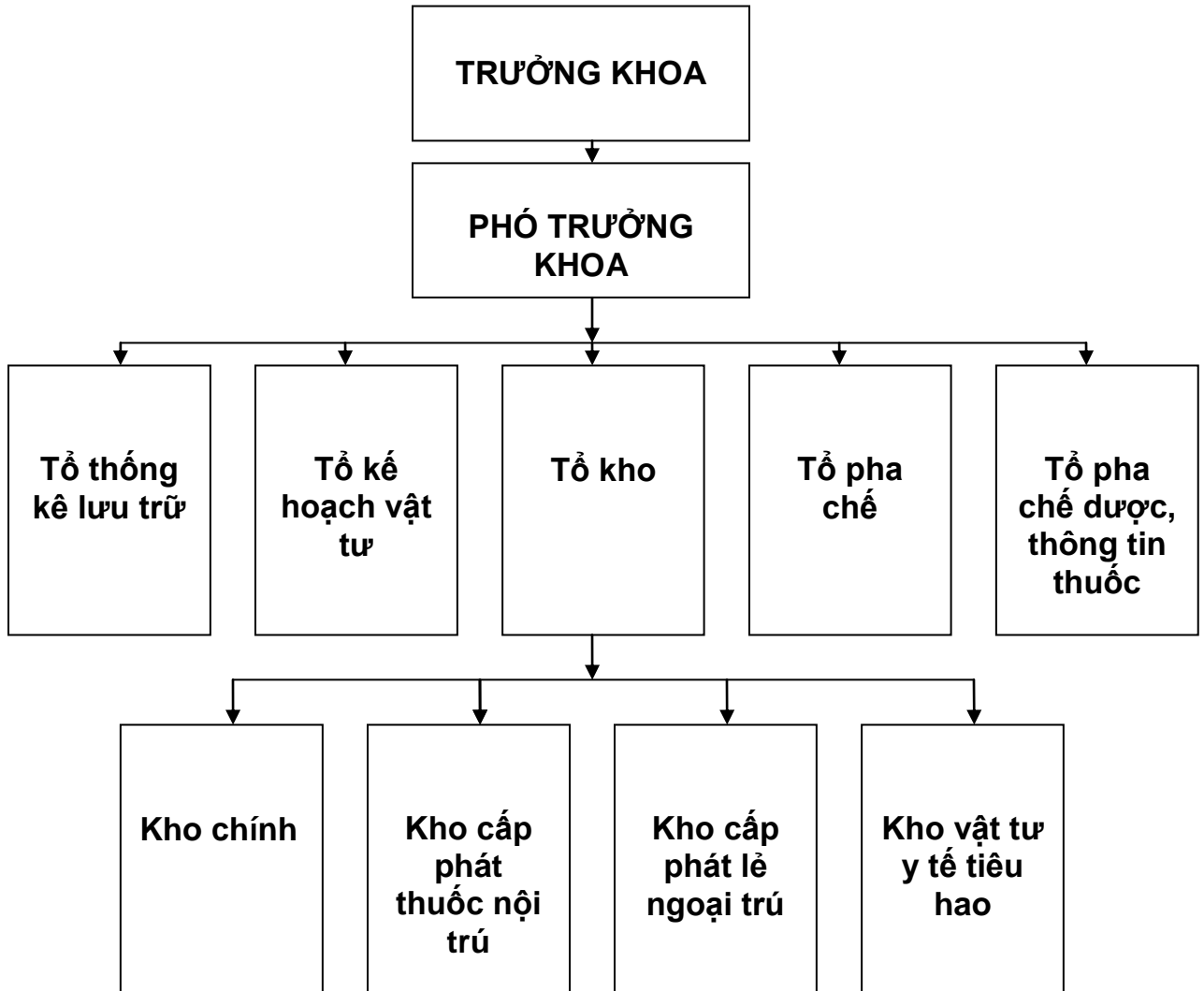
Bên cạnh các khoa ,phòng điều trị lâm sàng thì khoa Dược là một vị trí quan trọng với chuyên môn nhiệm vụ hậu cần cho ngành y tế nói chung và phân phối thuốc tân dược ,đông dược ,hóa chất , dụng cụ y tế


Khoa dược bệnh viện luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ ,đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu về thuốc men ,y cụ , y tế phục vụ cho điều trị nội ngoại trú , góp phần không nhỏ trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA KHOA DƯỢC

| KHOA DƯỢC | |
|----------------------------------|--|
| - CHỨC NĂNG CỦA KHOA DƯỢC | <p>Khoa Dược là khoa chuyên môn chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc bệnh viện. Khoa Dược có chức năng quản lý và tham mưu cho Giám đốc bệnh viện về toàn bộ công tác dược trong bệnh viện nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thuốc có chất lượng và tư vấn, giám sát việc thực hiện sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.</p> |
| - NHIỆM VỤ CỦA KHOA DƯỢC | <ol style="list-style-type: none"> 1. Lập kế hoạch, cung ứng thuốc bảo đảm đủ số lượng, chất lượng cho nhu cầu điều trị và thử nghiệm lâm sàng nhằm đáp ứng yêu cầu chẩn đoán, điều trị và các yêu cầu chữa bệnh khác (phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa). 2. Quản lý, theo dõi việc nhập thuốc, cấp phát thuốc cho nhu cầu điều trị và các nhu cầu đột xuất khác khi có yêu cầu. 3. Đầu mối tổ chức, triển khai hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. 4. Bảo quản thuốc theo đúng nguyên tắc “Thực hành tốt bảo quản thuốc”. 5. Tổ chức pha chế thuốc, hóa chất sát khuẩn, bào chế thuốc đông y, sản xuất thuốc từ dược liệu sử dụng trong bệnh viện. 6. Thực hiện công tác dược lâm sàng, thông tin, tư vấn về sử dụng thuốc, tham gia công tác cảnh giác dược, theo dõi, báo cáo thông tin liên quan đến tác dụng không mong muốn của thuốc. 7. Quản lý, theo dõi việc thực hiện các quy định chuyên môn về dược tại các khoa trong bệnh viện. 8. Nghiên cứu khoa học và đào tạo; là cơ sở thực hành của các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học về dược. 9. Phối hợp với khoa cận lâm sàng và lâm sàng theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý đặc biệt là sử dụng kháng sinh và theo dõi tình hình kháng kháng sinh trong bệnh viện. 10. Tham gia chỉ đạo tuyến. 11. Tham gia hội chẩn khi được yêu cầu. 12. Tham gia theo dõi, quản lý kinh phí sử dụng thuốc. 13. Quản lý hoạt động của Nhà thuốc bệnh viện theo đúng quy định. 14. Thực hiện nhiệm vụ cung ứng, theo dõi, quản lý, giám sát, kiểm tra, báo cáo về vật tư y tế tiêu hao (bông, băng, cồn, gạc) khí y tế đối với các cơ sở y tế chưa có phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế và dược người đứng đầu các cơ sở đó giao nhiệm vụ. |

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TỈNH KON TUM**



 Mọi liên hệ giữa khoa Dược và các khoa phòng điều trị :

- Các khoa lâm sàng gửi phiếu lĩnh đến cho khoa Dược và khoa Dược cấp phát thuốc và vật tư y tế tiêu hao từ kho rồi chuyển đến cho các khoa lâm sàng.
- Dựa vào số phiếu lĩnh và số lượng thuốc lĩnh mà khoa Dược lập bảng báo cáo tổng hợp sử dụng thuốc để tiến hành lập bảng dự trữ thuốc, hóa chất và vật tư y tế tiêu hao hợp lý.

DANH MỤC THUỐC VÀ BIỆT DƯỢC CÓ TẠI KHOA DƯỢC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA

| STT | TÊN HOẠT CHẤT | BIỆT DƯỢC | DẠNG BÀO CHẾ |
|----------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------|
| A | NHÓM KHÁNG SINH | | |
| a | NHÓM BETA - LACTAM | | |
| 1 | Amoxicilin | Amoxicilin 250mg | Gói |
| 2 | Amoxicilin | Codamox 500mg | Viên |
| 3 | Amoxicilin + Acid clavunanic | Aumakin (Augbactam) 312.5mg | Gói |
| 4 | Ampicilin | Ampicilin | Gói |
| 5 | Cefaclo | Mekocefaclo 125mg | Gói |
| 6 | Cefixime | Cefixime 100mg | Gói |
| 7 | Cefuroxime | Cefuromid 500mg | Viên |
| 8 | Cefuroxime | Cefuromid 125mg | Viên |
| 9 | Cefadroxil | Cefadroxil 500mg | Viên |
| 10 | Penicillin (Phenoxymethyl penicilin) | Penicillin V 400.000 IU | Viên |
| 11 | Cephalexin | Marapan | Viên |
| b | NHÓM MACROLID | | |
| 12 | Erythromycin | Erymekofar 250mg | Gói |
| 13 | Roxithromycin | Roxithromycin 150mg | Viên |
| 14 | Clarythromycin | Kalecin 250mg | Viên |
| c | NHÓM TETRACYCLIN | | |
| 15 | Tobramycin 0.3% collyre | Tobrex 3% - 5ml | Lọ |
| 16 | Tobramycin - Dexamethasone | Tobrex 0.3 + 0.1% | Lọ |
| 17 | Doxycycline | Doxycycline 100mg | Viên |
| 18 | Tetracyclin | Tetracyclin 1% | Tuýp |
| 19 | Tetracyclin | Tetracyclin 0.5% | Lọ |
| 20 | Vancomycin | Vanmycos - cp | Gói |
| 21 | Gentamycin | Gentamycin 80mg | Ống |
| d | NHÓM QUINOLON | | |
| 22 | Ciprofloxacin | Ciprofloxacin 500mg | Viên |
| 23 | Acid nalidixic | Acid nalidixic 500mg | Viên |
| 24 | Ofloxacin | Oflotab 200mg | Viên |
| 25 | Ofloxacin | Phitelabit 0.3% | Lọ |
| 26 | Pefloxacin | Peflacine | Ống |
| 27 | Levofloxacin | Getzlox 750mg | Viên |

| STT | TÊN HOẠT CHẤT | BIỆT DƯỢC | DẠNG BÀO CHẾ |
|----------|--|---------------------------|--------------|
| C | NHÓM KHÁNG VIÊM | | |
| a | NHÓM STEROID | | |
| 34 | Hydrocortison | Hydrocortison | Lọ |
| 35 | Prednisolon acetat | Prednisolone 5mg | Viên |
| 36 | Methylprednisolon | Mesone 4mg | Viên |
| 37 | Prednisolon aceta 1% | Predforte | Lọ |
| 38 | Dexamethasone sodium phosphate + Chloramphenicol | Spersadex comp | Lọ |
| 39 | Beclomethason | Beclate | Lo |
| b | NHÓM NON - STEROID | | |
| 40 | Celecoxib | Dolumixib 100mg | Viên |
| 41 | Loxoprofen | Lobafen 60mg | Viên |
| 42 | Ibuprofen | Ibuprofen | Viên |
| 43 | Meloxicam | Mobic | Ống |
| 44 | Meloxicam | Axocam 7.5mg | Viên |
| c | NHÓM KHÁNG VIÊM DẠNG MEN | | |
| 45 | Alphachymotrypsin | Amfaneo 21 | Viên |
| 46 | Seratiopeptidaze | Datazent | Viên |
| d | NHÓM THUỐC TRỊ BỆNH GUT | | |
| 47 | Allopurinol | Allopurinol 100mg | Viên |
| 48 | Colchicine | Colchicin 1mg | Viên |
| D | NHÓM HO - HEN PHẾ QUẢN | | |
| 49 | Salbutamol | Salbufar 2mg | Viên |
| 50 | Codein - terpin hydrate | Terpin - Codein | Viên |
| 51 | Acetylcystein | Mekomucosol 200mg | Lọ |
| 52 | Salbutamol sulfate | Ventolin Inhaler complete | Ống |
| 53 | Bromhexin HCL | Disolvan | Viên |
| 54 | Theophylline | Théostar LP | Viên |
| E | NHÓM THUỐC TIM MẠCH - HUYẾT ÁP - LỢI TIỂU - CÀM MÁU | | |
| 55 | Perindopril | Zentoeril 4mg | Viên |
| 56 | Spirolactone | Verospiron 50mg | Viên |
| 57 | Atrorvastatin | Tarden 10mg | Viên |
| 58 | Fenofibrate | Statilip 200mg | Viên |
| 59 | Isosorbide | Imdur 30mg | Viên |
| 60 | Clopidogrel Bisulfate | Realdiron 75mg | Viên |
| 61 | Trimetazidine | Metazydyna 20mg | Viên |
| 62 | Telmisartan | Lowlip 40mg | Viên |
| 63 | Atrorvastatin | Lipivastin 10mg | Viên |
| 64 | Candesartan | Atasart 16mg | Viên |
| 65 | Candesartan Cilexetil | Atasart 8mg | Viên |
| 66 | Atenolol | Atenolol Stada 50mg | Viên |

| STT | TÊN HOẠT CHẤT | BIỆT DƯỢC | DẠNG BẢO CHẾ |
|----------|---|----------------------------|--------------|
| 67 | Carvedilol | Carca 12.5mg | Viên |
| 68 | Gingko biloba | Cebrex 80mg | Viên |
| 69 | Gingko biloba | Cebrex 40mg | Viên |
| 70 | Indapamid | Dapa tab 2,5mg | Viên |
| 71 | Enalapril | Enahexal 5mg | Viên |
| 72 | Furosemid | Furosemide 40mg | Viên |
| 73 | Digoxin | Digoxin 0,25mg | Viên |
| 74 | Oxytocine | Oxytoxin | Lọ |
| F | NHÓM THUỐC CHỐNG CO THẮT - DẠ DÀY - RUỘT | | |
| 75 | Alverine | Alverine 40mg | Viên |
| 76 | Papaverin | Paparin | Viên |
| 77 | Domperidone | Mutecium - M 10mg | Viên |
| 78 | Aluminum Phosphate | Phospholugel | Gói |
| 79 | Omeprazole | Oralme 20mg | Viên |
| 80 | Rapeprazole | Rabidus 20mg | Viên |
| 81 | Lactobaccillus Acidophilus | L - Bio 75mg | Gói |
| 82 | Oresol | Oresol 27.9g | Gói |
| G | NHÓM THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG | | |
| 83 | Clorpheniramin | Clorpheniramin Meleat 4mg | Viên |
| 84 | Levocetirizine | Levotrin 5mg | Viên |
| 85 | Cetirizine | Mekozitex 10mg | Viên |
| 86 | Cinarizine | Stugon 25mg | Viên |
| H | NHÓM THUỐC AN THẦN - GÂY NGỦ | | |
| 87 | Amitryptiline | Amitryptiline 25mg | Viên |
| 88 | Mecobalamine | Golvaska 500mcg | Viên |
| 89 | Diazepam | Seduxen 5mg | Viên |
| I | NHÓM THUỐC HOOC MÔN (TRỊ BỆNH TIỂU ĐƯỜNG) - NỘI TIẾT TỐ | | |
| a | TRỊ BỆNH TIỂU ĐƯỜNG | | |
| 90 | Gliclazide | Amdiazid 80mg | Viên |
| 91 | Insulin | Diamisu - N 10mg, 100IU/ml | Lọ |
| b | NỘI TIẾT TỐ | | |
| 92 | Noredrenaline | Levonor | Ống |
| J | NHÓM THUỐC ĐÔNG DƯỢC | | |
| 93 | Xuyên khung, Tâm giao, Bạch chỉ, Đương Quy, Hồng Sâm, Ngũ vị tử, Mạch Môn, Ngô thù du, Băng phiến, Mật ong, Than hoạt tính, Sáp ong | Hoa đà tái tạo hoàn | Viên |
| 94 | Cao mềm đỉnh lã, cao bạch quả | Hoạt huyết dưỡng não 150mg | Viên |

| | | | |
|----|---|---------------------------|------|
| 95 | Hồng hoa, Hà thủ ô, Bạch thược, Đương Quy Xuyên khung, Thục địa, Ích mẫu | Hoạt huyết thông mạch K/H | Viên |
|----|---|---------------------------|------|

| STT | TÊN HOẠT CHẤT | BIỆT DƯỢC | DẠNG BÀO CHẾ |
|----------|--------------------------------|-------------------|--------------|
| K | NHÓM THUỐC VITAMIN | | |
| 96 | Vitamin E | AmphaE 400mg | Viên |
| 97 | Vitamin B1 + B6 + B12 | Neukovit | Viên |
| 98 | Vitamin B1 | Vitamin B1 50mg | Viên |
| 99 | Rutin - Ascorbic acid | Rutin vitamin C | Viên |
| 100 | Vitamin A and D In Combination | Vitamin AD 5000IU | Viên |

CÔNG TÁC LẬP DỰ TRÙ VÀ CUNG ỨNG THUỐC

TẠI KHOA DƯỢC

1. Dự trữ:

Lập kế hoạch mua thuốc, hoá chất, vật tư y tế tiêu hao hàng năm theo đúng quy định, so với nhu cầu sử dụng và định mức của bệnh viện, làm theo đúng quy định.

- Trưởng khoa dược tổng hợp, trình giám đốc bệnh viện phê duyệt sau khi đó có ý kiến tư vấn của Hội đồng thuốc và điều trị của Bệnh viện
- Khi nhu cầu thuốc tăng đột xuất phải làm dự trữ bổ sung.
- Tên thuốc trong dự trữ ghi rõ ràng và đầy đủ.
- Trong trường hợp thuốc nhiều thành phần chỉ ghi tên biệt dược.
- Hàng năm khoa dược phải làm dự trữ mua thuốc theo đúng mẫu và đúng thời gian quy định
- Dự trữ mua Thuốc gây nghiện, Thuốc hướng tâm thần, và thuốc quý hiếm thì do giám đốc bệnh viện phê duyệt.

2. Mua thuốc:

- Thực hiện đấu thầu trong cung ứng thuốc theo quy định của Bộ Y Tế, đấu thầu một lần trong năm.
- Thuốc được mua theo hợp đồng và ký với các đơn vị đã trúng thầu cũng ứng thuốc cho bệnh viện.
- Hình thức: Hàng tháng căn cứ vào nhu cầu sử dụng trong toàn bệnh viện, sau khi kiểm kê, căn cứ số lượng sử dụng và tồn kho, trưởng khoa dược xem xét, ký duyệt và giao cho một DSDH được phân công để gọi hàng. Các đơn vị cung ứng cử người tiến hành giao thuốc tại khoa dược theo hợp đồng đã ký với bệnh viện.
- Thuốc được mua tại các doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty TNHH dược phẩm. Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo chất lượng theo đúng quy định hiện hành
- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về mua sắm hàng hoá của nhà nước.

- Thuốc được bảo quản ở điều kiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật ghi trên nhãn thuốc, cả trong khi vận chuyển.

3. Kiểm nhập thuốc - Hoá chất - Y cụ:

- Mọi nguồn thuốc trong bệnh viện mua, viện trợ, thuốc các chương trình y tế quốc gia đều được kiểm nhập
- Thuốc mua về trong 24h phải kiểm nhập đối với các loại hàng nguyên đai, nguyên kiện, trong vòng một tuần lễ được tiến hành kiểm nhập toàn bộ, do Hội đồng kiểm nhập của bệnh viện thực hiện. Thực tế ở khoa dược Bệnh viện Đa Khoa Kon Tum thuốc được kiểm nhập ngay khi mua về.
- Tất cả hàng hoá nhập kho đều có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Phương pháp thực hiện:
 - Trưởng phòng Tài chính kế toán đọc hoá đơn, thủ kho người đại diện công ty kiểm tra hàng.
 - Ban lãnh đạo công ty chứng kiến.
 - Trưởng khoa dược viết biên bản nhập hàng.
 - Việc kiểm nhập được tiến hành cụ thể và đối chiếu.
 - Biên bản kiểm nhập gồm đầy đủ các nội dung trên avf có chữ ký xác nhận của tất cả Hội đồng.
 - Hàng nguyên đai, nguyên kiện nếu bị thiếu thì thông báo cho cơ sở cung cấp để bổ sung Thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần làm biên bản kiểm nhập riêng theo quy định của các quy chế hiện hành.

4. Kiểm kê thuốc- Hoá chất – Y cụ:

- Thành phần Hội đồng kiểm kê cũng giống như Hội đồng kiểm nhập nhưng không có người giao thuốc.
- Tiến hành kiểm kê định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng một lần. Sau mỗi lần đều có biên bản kiểm kê theo quy định có sẵn của Bộ tài chính ban hành.
- Thời gian kiểm kê bắt buộc phải là ngày cuối cùng của quý đó.
- Với khoa dược tự kiểm kê hàng tháng vào thứ 7, chủ nhật, cuối cùng của tháng. Tiến hành kiểm kê các đối tượng thuốc về nhập xuất tồn kho.

5. Quản lý thuốc, hoá chất và vật tư y tế tiêu hao tại các khoa trong bệnh viện:

- Thuốc điều trị nội trú ở các khoa được tổng hợp hàng ngày theo phiếu lĩnh thuốc được trưởng khoa ký duyệt, y tá lĩnh tại khoa dược và được sử dụng cho bệnh nhân trong ngày. Riêng ngày lễ và các ngày nghỉ cuối tuần, thuốc được lĩnh vào hôm trước ngày nghỉ.
- Khoa dược tổ chức thường trực cấp phát thuốc cấp cứu 24/24h trong ngày.

- Phiếu kinh thuốc theo đúng mẫu quy định, Thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần có phiếu lĩnh riêng theo quy định của các quy chế hiện hành.
- Bông, băng, vật tư y tế tiêu hao lĩnh theo tuần.
- Hoá chất chuyên khoa lĩnh theo thang hoặc quý.
- Trưởng khoa điều trị có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc sử dụng thuốc và bảo quản vật tư y tế tiêu hao trong khoa.

**CẤP PHÁT THUỐC ĐẾN CÁC KHOA LÂM SÀNG TRONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KON TUM**

| Ngày cấp | Khoa lâm sàng | Người cấp |
|------------|-------------------------|---------------------|
| 30/07/2012 | Khoa Mắt | Anh Giáp – Tuấn Anh |
| 30/07/2012 | Khoa Lao | Chị Hồng - Tuấn Anh |
| 31/07/2012 | Khoa Nhi | Cô Thập - Tuấn Anh |
| 31/07/2012 | Khoa Lưu | Cô Pháp - Tuấn Anh |
| 1/8/2012 | Khoa Lây | Cô Pháp - Tuấn Anh |
| 1/8/2012 | Khoa Hồi Sức Tích Cực | Chị Thủy - Tuấn Anh |
| 2/8/2012 | Khoa Tai- Mũi- Họng | Cô Pháp - Tuấn Anh |
| 2/8/2012 | Khoa CSSK theo yêu cầu | Chị Thủy - Tuấn Anh |
| 3/8/2012 | Khoa Ngoại Tổng Hợp | Chị Hồng - Tuấn Anh |
| 3/8/2012 | Khoa Y Học Nhiệt Đới | Anh Giáp - Tuấn Anh |
| 6/8/2012 | Khoa Ngoại Chấn Thương | Anh Giáp - Tuấn Anh |
| 6/8/2012 | Khoa Lao | Chị Thủy - Tuấn Anh |
| 7/8/2012 | Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh | Cô Thập - Tuấn Anh |
| 7/8/2012 | Phòng Lưu | Chị Thủy - Tuấn Anh |
| 8/8/2012 | Khoa Hồi Sức Tích Cực | Chị Hồng - Tuấn Anh |
| 8/8/2012 | Khoa Phẫu Thuật | Chị Thủy - Tuấn Anh |
| 9/8/2012 | Khoa Nhi | Cô Pháp - Tuấn Anh |

| | | |
|-----------|----------------------|---------------------|
| 9/8/2012 | Khoa Ngoại Tổng Hợp | Cô Pháp - Tuấn Anh |
| 10/8/2012 | Khoa Y Học Nhiệt Đới | Chị Thủy - Tuấn Anh |

CÔNG TÁC DƯỢC CHÍNH

1 ./ Lập kế hoạch và tổ chức cung ứng thuốc :

- **Lập kế hoạch :**
 - + Xây dựng danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện hàng năm theo nhu cầu điều trị hợp lý của các khoa lâm sàng.
 - + Tham gia xây dựng danh mục thuốc và cơ sở thuốc của tử trực tại khoa lâm sàng.
 - + Lập kế hoạch về cung ứng thuốc để trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đảm bảo cung ứng đủ thuốc và có chất lượng cho nhu cầu chẩn đoán và điều trị.
- **Tổ chức cung ứng thuốc :**
 - + Đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho nhu cầu điều trị và nhu cầu đột xuất khác.
 - + Đầu mối tổ chức đấu thầu mua thuốc theo luật đấu thầu và các quy định hiện hành có liên quan.
 - + Cung ứng các thuốc thuộc diện Kiểm Soát đặc biệt theo đúng quy định hiện hành.

2 ./ Theo dõi và quản lý xuất nhập thuốc :

- **Nhập thuốc :**
 - + Các loại thuốc, hóa chất phải được kiểm nhập trước khi nhập kho.
 - + Hội đồng kiểm nhập do giám đốc bệnh viện quyết định
 - + Nội dung : Kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, hóa chất với mọi nguồn thuốc.
 - + Biên bản kiểm nhập phải có đủ chữ ký của các thành viên hội đồng Kiểm nhập.
 - + Vào sổ kiểm nhập thuốc
- **Kiểm soát số lượng thuốc tại cơ sở :**
 - + Kiểm soát 100% chất lượng cảm quang thuốc nhập vào kho Dược
 - + Kiểm soát chất lượng cảm quang thuốc định kỳ và đột xuất tại các khoa lâm sàng.
- **Cấp phát thuốc và hóa chất :**
 - + Khoa Dược duyệt thuốc trước khi cấp phát.

- + Cấp phát thuốc cho các khoa lâm sàng.
- + Phát thuốc theo đơn cho người bệnh ngoại trú có bảo hiểm.
- + Từ chối phát thuốc nếu phát hiện đơn thuốc có sai sót.
- + Kiểm tra đối chiếu trước khi cấp thuốc/
- + Vào sổ theo dõi xuất, nhập hoặc thẻ kho.
- **Lưu trữ chứng từ xuất nhập. đơn thuốc ngoại trú theo quy định về lưu trữ hồ sơ bệnh án.**
- **Bàn giao.**

3 ./ Theo dõi quản lý sử dụng thuốc. hóa chất và vật tư y tế tiêu hao :

- **Thống kê báo cáo, thanh toán tiền thuốc, hóa chất :**
 - + Thống kê báo cáo
 - o Xây dựng hệ thống theo dõi xuất nhập và lưu trữ.
 - o Thống kê Dược : Cập nhật số lượng và đối chiếu.
 - o Thống kê, báo cáo số liệu về nhầm lẫn, thừa thiếu, hư hao định kỳ và đột xuất.
 - + Thanh toán
 - + Xử lý thuốc thừa, thiếu, hư hao và hết hạn
 - + Thuốc hết hạn phải tiến hành hủy theo quy định.
 - + Thuốc khoa lâm sàng trả lại phải được kiểm tra và tái nhập theo quy trình.
 - + Thuốc viện trợ, thuốc phòng chống dịch bệnh, thiên tai thực hiện theo hướng dẫn của

Bộ Y Tế.

- **Kiểm kê thuốc, hóa chất :**
 - + Thời gian :
 - o Kiểm kê thuốc, hóa chất tại Khoa Dược 1 tháng / lần .
 - o Kiểm kê thuốc tử trực tại các khoa lâm sàng 3 tháng / lần.
 - + Nội dung :
 - o Đối chiếu sổ theo dõi xuất, nhập với chứng từ.
 - o Đối chiếu sổ sách với thực tế về số lượng và chất lượng.
 - o Xác định lại số lượng và chất lượng.
 - o Lập biên bản kiểm kê.

4 ./ Quy định về bảo quản :

- **Yêu cầu về kho thuốc cần đảm bảo nguyên tắc**
- **“ Thực hành tốt bảo quản thuốc(GSP) ”**
 - + Yêu cầu về vị trí thiết kế.
 - + Yêu cầu về trang thiết bị
- **Quy định về bảo quản :**
 - + Có sổ theo dõi công tác bảo quản, kiểm soát.
 - + Tránh ánh sáng trực tiếp và các tác động bên ngoài.
 - + Thuốc, hóa chất, vaccine, sinh phẩm bảo quản đúng yêu cầu
 - + Thuốc cần kiểm soát đặc biệt.
 - + Theo dõi hạn dùng thường xuyên.
 - + Thuốc, hóa chất dễ cháy nổ, vaccine bảo quản tại kho riêng biệt.
 - + Kiểm tra sức khỏe đối với thủ kho thuốc, hóa chất : 6 tháng / lần.

5 ./. Tổ chức pha chế thuốc, sản xuất, chế biến thuốc dung trong bệnh viện :

- Yêu cầu trang thiết bị, phòng, khu vực pha chế thuốc tân Dược , thuốc phóng xạ, phòng bào chế, thuốc đông Y và thuốc có nguồn gốc từ Dược liệu.
- Yêu cầu người làm việc tại phòng pha chế , bào chế thuốc phải đảm bảo tiêu chuẩn về chuyên môn, sức khỏe theo quy định.
- Yêu cầu về nguyên liệu
- Quy trình pha chế
- Thực hiện kiểm soát, kiểm nghiệm, chặt chẽ các thuốc đã pha chế và lưu theo mẫu quy định.
- Kiểm tra sức khỏe đối với Dược sỹ pha chế thuốc 6 tháng / lần.

6 ./. Thông tin tư vấn sử dụng thuốc :

- **Công tác thông tin thuốc và tư vấn về sử dụng thuốc**
 - + Tuyên truyền sử dụng thuốc hợp lý và hiệu quả.
 - + Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng, người bệnh nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng thuốc an toàn hợp lý.
 - + Tham gia phổ biến, cập nhật các tin tức chuyên môn liên quan đến thuốc và sử dụng thuốc cho cán bộ y tế
 - **Sử dụng thuốc**
 - + Xây dựng hướng dẫn sử dụng danh mục thuốc bệnh viện.
 - + Xây dựng tiêu chí lựa chọn thuốc, hóa chất.
- Kiểm tra giám sát khi sử dụng thuốc, hóa chất hợp lý, an toàn
- + Đánh giá việc sử dụng thuốc về chỉ định, chống chỉ định, liều dung
 - + Kiểm soát việc hóa chất tại các khoa , phòng điều trị.

SỰU TÂM THUỐC TẠI KHOA DƯỢC BỆNH VIỆN

I ./. DATAZENT (Nhóm kháng viêm)

Thành phần:

- Serratiopeptidase.....10mg
- Tá dược:.....vũ 1 viên

Dược lực học:

- Serratiopeptidase có nguồn gốc Enzym, có tác dụng chống phù nề và kháng viêm, có khả năng phân huỷ Bradykinin và fibrin, tăng vận chuyển kháng sinh vào ổ nhiễm trùng, làm loãng đàm, tiêu mủ và máu tụ.

Dược động học:

- Serratiopeptidase qua đường hàng rào ruột vào tuần hoàn máu bằng đường bạch huyết và gắn lên



α_2 - macroglobulin trong máu.

Chỉ định: - Giảm các triệu chứng viêm sau chấn thương và sau phẫu thuật, viêm xoang, xung huyết vú, viêm bàng quang, viêm mào tinh hoàn, viêm lợi.

- Viêm phế quản, giãn phế quản, lao phổi...

- Điều trị những trường hợp khó khạc đờm sau gây mê.

Liều dùng và cách dùng:

- Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên, sau bữa ăn. Không được nghiền nát, bẻ vỡ hay nhai viên thuốc trước khi uống.

Chống chỉ định:

- Dị ứng với 1 trong các thành phần của thuốc. Thận trọng khi sử dụng cho những bệnh nhân bị rối loạn đông máu, suy thận, suy chức năng gan.

Tác dụng không mong muốn của thuốc:

- Phản ứng quá mẫn bao gồm đỏ da, phát ban, tiêu chảy, chán ăn, nôn, chảy máu cam, đờm có máu. Hội chứng Stevens - Johnson, hội chứng Riel, hội chứng PIE.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- Có thể có các tác dụng không mong muốn, cần cân nhắc cẩn thận và phải có chỉ định của bác sĩ trước khi sử dụng.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

- Có thể sử dụng thuốc khi lái xe và vận hành máy móc.

Sử dụng quá liều:

- Khi bị quá liều cần được giám sát và xử lý bởi thầy thuốc điều trị

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên

II ./ Cefixime 100mg (cefixim – nhóm kháng sinh)

Dạng thuốc

Hộp 10 gói 1,5g pha uống

Thành phần, hàm lượng

Cefixime: 100mg

Chỉ định(Dùng cho trường hợp)

Nhiễm khuẩn đường tiết niệu không biến chứng do các chủng nhạy cảm E. coli hoặc Proteus mirabilis và một số giới hạn trường hợp nhiễm khuẩn đường tiết niệu không biến chứng do các trực khuẩn gram – âm khác như citrobacter spp, Enterobacter – spp...

Klebsiella spp, Proteus spp... Một số trường hợp viêm thận - bể thận và nhiễm khuẩn đường tiết niệu có biến chứng do các



Enterobacteriaceae nhạy cảm nhưng kết quả điều trị kém hơn so với các trường hợp nhiễm khuẩn đường tiết niệu không biến chứng. Viêm tai giữa do Haemophilus influenzae (kể cả chủng tiết beta – lactamase), Moraxella catarrhalis (kể cả chủng tiết beta – lactamase). Streptococcus pyogenes. Viêm họng và amidan do Streptococcus pyogenes. Viêm phế quản cấp và mãn do Streptococcus pneumonia, hoặc Haemophilus influenzae, hoặc Moraxella catarrhalis. Viêm phổi mắc phải tại cộng đồng thể nhẹ và vừa. Còn được dùng điều trị bệnh lậu chưa có biến chứng do Neisseria gonorrhoeae (kể cả các chủng tiết beta – lactamase), Bệnh thương hàn do Salmomella typhi (kể cả chủng đa kháng thuốc), bệnh lỵ do Shigella nhạy cảm (kể cả các chủng kháng ampicilin).

Chống chỉ định(Không dùng cho những trường hợp sau)

Người bệnh có tiền sử quá mẫn với cefixim hoặc với các kháng sinh nhóm cephalosporin khác, người có tiền sử sốc phản vệ do penicilin.

Liều dùng

- Liều dùng 8 mg/kg/ngày. - Trẻ 6 tháng - 1 tuổi: 3,75 mg/ngày. - Trẻ 1 - 4 tuổi: 5 mL/ngày. - Trẻ 5 - 10 tuổi: 10 mL/ngày. - Suy thận ClCr 21 - 60 mL/phút: dùng 75% liều, ClCr < 20 mL/phút hay đang thẩm phân: dùng 1/2 liều.

Lưu ý(Thận trọng khi sử dụng)

Suy thận. Có tiền sử dị ứng. Kiểm tra thận và công thức máu khi điều trị kéo dài và liều cao.

Tác dụng phụ

Rối loạn tiêu hóa: buồn nôn, nôn, tiêu chảy. Phản ứng quá mẫn: nổi mề đay, ban da, tăng bạch cầu ái toan, sốt, phản ứng phản vệ. Độc tính trên thận. Co giật và các dấu hiệu của độc tính trên thần kinh TW. Viêm đại tràng có giả mạc.

III./ Furocemid (furocemid 20mg/2ml – nhóm thuốc tim mạch)

Nhóm Dược lý: Thuốc lợi tiểu

Thành phần: Furosemide

Hàm lượng: 20mg/2ml

Chỉ định:

- Phù do tim, gan, thận hay các nguồn gốc khác, phù phổi, phù não, nhiễm độc thai.
- Tăng HA nhẹ & trung bình.
- Ở liều cao điều trị suy thận cấp hay mãn & thiếu niệu, ngộ độc barbiturate.

Chống chỉ định:

Giảm chất điện giải, trạng thái tiền hôn mê do xơ gan, hôn mê gan, suy thận do ngộ độc các chất độc cho gan & thận. Quá mẫn với thành phần thuốc.

Tương tác thuốc:

- Tránh dùng với: lithium, cephalosporin, aminoglycoside.
- Tương tác khi kết hợp với thuốc hạ áp: glycoside tim; thuốc uống trị tiểu đường: corticosteroid; giãn cơ không khử cực: indomethacin, salicylate.

Tác dụng phụ:



Furocemid sản phẩm của Công ty Dược phẩm VINPHACO

Rối loạn tiêu hóa, rối loạn thị giác, ù tai, giảm thính lực thoáng qua, co thắt cơ, mất cảm giác, hạ HA tư thế, viêm tụy, tổn thương gan & tăng nhạy cảm ánh sáng. Liều cao thường kèm ù tai, mệt, yếu cơ, khát nước & tăng số lần đi tiểu. Cá biệt: nổi mẩn, bệnh tủy xương. Rối loạn điện giải, tăng uric máu.

Chú ý đề phòng:

Kiểm soát ion đồ đều đặn. Trong 2 quý đầu của thai kỳ. Phì đại tuyến tiền liệt & tiểu khó. Người già, bệnh nhân tiểu đường. Rối loạn chuyển hóa acid uric, xơ gan. Lái xe hay vận hành máy.

Liều lượng:

Người lớn: khởi đầu: 1-2 ống tiêm IV hay IM, lặp lại nếu cần nhưng không được sớm hơn 2 giờ sau lần tiêm đầu tiên. Thiếu niệu/suy thận cấp hay mãn: 12 ống, pha trong 250 mL dung dịch, truyền IV 4 mg/phút, trong 1 giờ. Trẻ em: 0,5-1 mg/kg, tiêm IV hay IM.

IV./. METFORMIN 850mg (Nhóm Hooc môn – nội tiết tố)

Thành phần: Mỗi viên bao phim chứa:

Metformin HCl 850 mg
Tá dược vừa đủ. 1 viên

Chỉ định:

Metformin HCl được chỉ định điều trị tiểu đường tít 2 (tiểu đường không phụ thuộc insulin) trong:

Liều dùng:

- Metformin STADA! 850 mg được sử dụng bằng đường uống cùng với bữa ăn hoặc sau khi ăn.
- Liều dùng của người lớn (Từ 17 tuổi trở lên)
- Liều khởi đầu thường dùng của viên nén metformin HCl là 850 mg, 1 lần mỗi ngày (vào bữa ăn sáng).
- Liều duy trì thường dùng của viên nén metformin HCl là 850 mg, 2 lần mỗi ngày vào bữa ăn sáng và tối. Khi cần thêm kiểm soát mức đường huyết, bệnh nhân có thể sử dụng viên 850 mg, 3 lần mỗi ngày trong khi ăn.



Chống chỉ định:

- Nhạy cảm với metformin HCl hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc
- Tiểu đường thể ceton acid, tiểu đường tiền hôn mê.
- Suy thận hoặc rối loạn chức năng thận (độ thanh thải creatinin < 60 ml/phút)
- Tình trạng cấp tính với khả năng chức năng thận thay đổi như là: sự mất nước, nhiễm trùng nặng, sốt.
- Đường dùng tĩnh mạch của những tác nhân kỵ iod.
- Những bệnh cấp tính hoặc mãn tính có thể dẫn đến thiếu oxy mô cơ như là: suy tim hoặc suy hô hấp, nhồi máu cơ tim gần đây.
- Suy gan, nhiễm độc rượu cấp, chứng nghiện rượu.
- Phụ nữ cho con bú.

Tác dụng phụ:

- Những tác dụng phụ trên đường tiêu hóa như tiêu chảy, buồn nôn, nôn ói, đầy hơi, khó tiêu, và khó chịu vùng bụng (ví dụ chướng bụng, chuột rút hoặc đau).
- Hạ đường huyết, những ảnh hưởng trên hệ thống tạo máu, phản ứng da, nhiễm acid lactic, hệ thần kinh trung ương (ví dụ nhức đầu, lo âu, choáng váng, mệt mỏi).

Quá liều:

- Tình trạng hạ đường huyết chưa thấy với liều điều trị của metformin HCl lên tới 85 g, mặc dù tình trạng nhiễm acid lactic có thể xảy ra trong một số trường hợp. Quá liều cao hoặc kết hợp với những nguy cơ cao của metformin HCl có thể dẫn đến nhiễm acid lactic. Nhiễm acid lactic cần được cấp cứu và phải được điều trị trong bệnh viện. Phương pháp có hiệu quả nhất để loại bỏ lactat và metformin HCl là thẩm phân máu.

Hạn dùng:

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

V./. Vitamin A 5000IU (Nhóm Vitaimin - thuốc bổ)

Dạng thuốc

hộp 10 vỉ x 10 viên nang

Thành phần, hàm lượng

Vitamin A: 5000IU

Chỉ định(Dùng cho trường hợp)

Trẻ em chậm lớn, mắc bệnh nhiễm khuẩn hô hấp.Quáng gà, khô mắt,rối loạn nhìn màu mắt, bệnh vẩy cá, bệnh trứng cá, chứng tóc khô dễ gãy, móng chân móng tay bị biến đổi. Hội chứng tiền kinh, rối loạn mãn kinh, xơ teo âm hộ.Chứng mất khứu giác, viêm mũi họng mãn, điếc do nhiễm độc, ù tai.Nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa.Phòng thiếu hụt vitamin A ở người mới ốm dậy, phụ nữ cho con bú, cường giáp

Chống chỉ định(Không dùng cho những trường hợp sau)

Dùng đồng thời với dầu parafin.

Liều dùng

Theo chỉ dẫn của bác sĩ.



Lưu ý(Thận trọng khi sử dụng)

Khi dùng liều cao kéo dài, cần điều trị từng đợt, dùng 6 tuần, nghỉ 2 tuần. Thận trọng ở phụ nữ có thai. - Không được dùng với các thuốc khác có chứa vitamin A. - Viên: tránh dùng cho người mẫn cảm với tartiazin và/hoặc acid acetylsalicylic. - Khi có thai không được dùng quá 6000UI/ngày. Dùng liều cao vitamin A gây dị dạng bào thai. Không dùng liều cao với người đang nuôi con bú, không vượt quá 6000UI/ngày (kể cả trong khẩu phần ăn).

Tác dụng phụ

Thường do quá liều, ngừng dùng thuốc. Phải tôn trọng liệu trình và khoảng cách giữa các đợt dùng thuốc (không được dùng quá 100.000UI/lần).

SẮP XẾP BẢO QUẢN THUỐC VÀ DỤNG CỤ Y TẾ

I ./ Kỹ thuật sắp xếp

- Thuốc , hóa chất ,y cụ ,vật tư tiêu hao phải có kho riêng hay khu vực riêng trong kho để đảm bảo theo yêu cầu tình chất của từng loại
- Thuốc gây nghiện ,thuốc hướng tâm thần phải sắp xếp ở kho riêng và được bảo quản theo chế độ đặc biệt

- Thuốc ,hóa chất yêu cầu bảo quản ở chế độ đặc biệt như hóa chất độc ,chất dễ cháy nổ phải bảo quản ở nhiệt độ thấp ,tránh ánh sáng...
- Thuốc và hóa chất bảo quản ở nhiệt độ thông thường như nguyên liệu dược bào chế từ động vật ,thực vật....
- Băng băng ,y cụ
- Tất cả thuốc ,hóa chất ,y cụ , vật tư y tế tiêu hao sau khi được sắp xếp bảo quản trong kho phải đảm bảo yêu cầu sau:
 - +Đảm bảo chống ẩm mốc, sắp xếp trên kệ ,giá cách xa tường 2m
 - +Thuận tiện cho việc kiểm tra , vận chuyển cấp phát ,đảm bảo an toàn
 - + Thuốc có thể sắp xếp theo dạng thuốc ,theo vắn A,B,C... theo chủng loại hoặc theo điều kiện bảo quản ,nguồn gốc
 - + Phải đảm bảo cấp phát hợp lý ,mỗi loại thuốc phải cấp phát hợp lý ,mỗi loại thuốc phải xếp một chỗ trong kho thuốc phải có sơ đồ sắp xếp

II./ Bảo quản thuốc

- Phải theo dõi nhiệt độ ,độ ẩm trong kho thuốc phải có biện pháp phòng chống nóng ,ẩm kịp thời
- Kho thuốc phải có nhiệt kế , kế ẩm ở những nơi cần thiết ghi chép số liệu hàng ngày để có kế hoạch phòng chống nóng ẩm
- Sử dụng các chất hút ẩm khi cần thiết
- Áp dụng các biện pháp thông hơi ,thông gió tự nhiên ,nhân tạo
- Từng thứ thuốc phải đựng trong lọ ,chai thích hợp hoặc bọc giấy đen
- Thuốc,hóa chất ,y cụ phải được kiểm soát ,kiểm nghiệm khi xuất nhập ,định kỳ kiểm tra chất lượng và theo dõi hạn dùng
- Kho thuốc phải sạch sẽ ,bố trí nơi giao nhận riêng
- Cấm mang thức ăn vào trong kho
- Có chế độ vệ sinh khu vực kho ,nơi làm việc ,các phương tiện
- Thuốc ,hóa chất phải có bao bì đóng gói đúng quy định ,ghi nhãn đúng quy chế ,các loại thuốc có hướng dẫn sử dụng ,bảo quản phải có kèm nhãn phụ ,không sử dụng bao bì lẫn lộn
- Thuốc ,hóa chất kém phẩm chất để riêng và có bảng ghi “hàng kém phẩm chất ,phải chờ xử lí “ khi xử lí phải lập hội đồng xử lí đúng quy định
- Thuốc,hóa chất bảo quản ở điều kiện thường
- Phải bảo quản trong kho đúng tính chất và yêu cầu từng loại
- Tránh nấm mốc cho thuốc viên ,tránh chảy dính cho các viên nang

- Thường xuyên theo dõi các thuốc , hóa chất để biến chất đổi màu
 - Hóa chất độc dùng cho công tác vệ sinh phòng dịch và hóa nghiệm phải bảo quản trong kho riêng và xa kho thuốc khác
 - Các chất ăn mòn
 - + Bảo quản riêng trong các đồ bao gói ,thích hợp ,đúng quy định
 - + Phải nút kín ,tráng parafin ,đảm bảo không để các chất ăn mòn làm hỏng
 - Thuốc cần bảo quản ở nhiệt độ thích hợp
 - + Nhiệt độ thích hợp ở 25°C
 - + Vaccin , huyết thanh dạng nước yêu cầu nhiệt độ thích hợp
 - + Kháng sinh các loại bảo quản ở nhiệt độ 15 – 25°C thuốc hóa chất dễ hút ẩm ,chảy nước
 - + Phải bảo quản trong đồ bạc có chứa chất hút ẩm
 - + Các loại đã tiệt trùng giữ gìn tốt đồ bao gói

Ví dụ : **Bảo quản insulin**

Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ lý tưởng là 2-8 °C, tránh ánh nắng. Tuy nhiên insulin được sản xuất ra rất bền vững đến tận nhiệt độ 27 độ C nên với thời tiết mùa đông thì việc bảo quản không thành vấn đề. Về mùa hè với việc tích trữ dài hạn ở nhiệt độ cao có thể ảnh hưởng tới chất lượng của insulin. Lưu trữ dùng ngắn hạn chỉ cần để nơi mát nhất trong nhà là đủ (trong trường hợp không có tủ lạnh), ở 30 độ C có thể để được trong 4-6 tuần không ảnh hưởng đến chất lượng.

Lưu ý:

Lọ đang dùng không để trong tủ lạnh vì tiêm bị đau.

Tuyệt đối không để insulin trong ngăn đá vì ở đó nhiệt độ dưới 0 độ C.

Khi mua hoặc khi lấy insulin mới đem về dùng cần kiểm tra lại chất lượng, nếu insulin nhanh (loại trong) có vẩn đục hoặc loại bán chậm và chậm (loại đục) có vẩn cặn thì không nên dùng.

Tổng Kết Sau Đợt Thực Tập

Trong thời gian thực tập tại khoa dược Bệnh Viện Đa Khoa Kon Tum được sự đồng ý của nhà trường ,sự giúp đỡ của ban giám đốc ,trưởng khoa Dược bệnh viện cùng với sự giúp đỡ tận tình của cán bộ trong khoa dược .Theo yêu cầu từ ngày 30/07/2012 đến ngày 10/08/2012

Qua thời gian thực tập em đã nắm được những vấn đề : Mô hình tổ chức ,chức năng ,nhiệm vụ của khoa dược ,chế độ quản lý chuyên môn ,quản lý kinh tế về dược .Được tìm hiểu thực tế ,được hướng dẫn sâu sát về hoạt động cụ thể của khoa Dược trong từng bộ phận ,việc sắp xếp bảo quản thuốc trong kho thường xuyên được quan tâm ,đảm bảo chất lượng thuốc cho người bệnh .

Công tác thống kê ,kế toán được thực hiện đầy đủ theo quy chế hiện hành ,hệ thống sổ sách đồng bộ ,khoa dược theo dõi chặt chẽ việc xuất nhập thuốc hàng ngày ,tháng trong kho ,quản lý tốt chất lượng ,số lượng thuốc trong kho không có thuốc hư hỏng ,không có thuốc hết hạn sử dụng .

Sổ sách ghi chép ,chi tiết ,đầy đủ lên việc báo cáo thông kê ,kế toán nhanh ,chính xác

Qua thời gian thực tập tại khoa dược với những kiến thức đã được học tại trường em đã hoàn thành tốt đợt thực tập tại khoa dược Bệnh Viện Đa Khoa Kon Tum .Qua đợt thực tập này em đã học thêm được nhiều kinh nghiệm bổ ích về quản lí ,về chuyên môn ngành dược ,để sau này sau khi ra trường em sẽ vận dụng kiến thức đã học đưa vào thực tế ,em sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ của một dược sĩ

Em xin cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô trên lớp,sự giúp đỡ của các bác ,các anh,chị trong khoa Dược của bệnh viện đã giúp đỡ em hoàn thành tốt đợt thực tập này .

